TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Hoàng Văn Khiếu;
2- Bà Bùi Bích Thủy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Mạc Minh Song- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Y 29 tuổi
Địa chỉ: Thôn 9 xã T L- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh Bàn Văn N 31 tuổi
Địa chỉ: Thôn 9 xã T L- huyện L- tỉnh Y, đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04-02-2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lý Thị Y trình bày: Chị và anh Bàn Văn N kết hôn tháng 7 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T L- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh N hay rượu chè, cờ bạc, có lần về lừa lấy cả tiền của bố mẹ chị. Ngoài rượu chè, cờ bạc, anh N còn quan hệ lăng nhăng với người khác. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần anh N còn đánh chị; hai người sống ly thân từ đầu năm 2019. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh N có ba cháu là Bàn Thị Bích H sinh ngày 02-5-2011; Bàn Thị Xuân Th sinh

ngày 21-6-2014 và Bàn Đức D sinh ngày 22-8-2017. Hai cháu lớn chị đã đưa về bên ngoại sinh sống, cháu bé ở với ông bà nội. Khi ly hôn chị sẽ nuôi cháu Hoan và cháu Thế; anh N nuôi cháu út là Bàn Đức Duy.Về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Bàn Văn N vẫn không có mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm: Chị Lý Thị Y và anh Bàn Văn N kết hôn năm 2011, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị Y- anh N không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau. Anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con. Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết chị Y khẳng đình tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Y- anh N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Y và anh N có ba cháu là Bàn Thị Bích H sinh ngày 02-5-2011; Bàn Thị Xuân Th sinh ngày 21-6-2014 và Bàn Đức D sinh ngày 22-8-2017. Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Y đề nghị được nuôi hai cháu là Bàn Thị Bích H và Bàn Thị Xuân Th; để anh Bàn Văn N nuôi cháu Bàn Đức D. Xét hoàn cảnh thực tế anh N đang đi làm ăn xa; trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu H và cháu Th thường xuyên ở với ông bà ngoại; cháu D ở với ông bà nội. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cần giao hai cháu Bàn Thị Bích H và Bàn Thị Xuân Th cho chị Lý Thị Y; giao cháu Bàn Đức D cho anh Bàn Văn N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Do chị Y không yêu cầu nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Y được ly hôn với anh N; giao hai cháu Bàn Thị Bích H và Bàn Thị Xuân Th cho chị Y; giao cháu Bàn Đức D cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng…

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tình cảm: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lý Thị Y được ly hôn với anh Bàn Văn N.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu là Bàn Thị Bích H sinh ngày 02-5-2011 và Bàn Thị Xuân Th sinh ngày 21-6-2014 cho chị Lý Thị Y; giao cháu Bàn Đức D cho anh Bàn Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bên kia thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lý Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2017/0004721 ngày 04-02-2020.

4- Quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bàn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Duy Đô

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.